TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2023/QĐST- DS	*Bù Đăng, ngày 07 tháng 4 năm* 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Hoàng Anh N, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Hữu Minh N1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* ông Mai Văn M, sinh năm: 1964

Và bà Lê Thị H, sinh năm: 1966

Cùng nơi cư trú: Thôn 8, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện tại: Thôn 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Hà Thị D, sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận hợp đồng sang nhượng đất ghi tiêu đề là giấy đặt cọc tiền đất ngày 30/6/2010 giữa Hoàng Anh N với vợ chồng ông Mai Văn M bà Lê Thị H là hợp pháp.

- Công nhận diện tích đất theo hiện trạng thực tế sử dụng hiện nay là 3.766,8m2,(có GCNQSDĐ ghi diện tích là 4.806m2, thuộc thửa số 78, đất trồng cây lâu năm, UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 25/12/1997 do ông Mai Văn M đứng tên) và tài sản trên đất là

thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông bà Hoàng Anh N, Hà Thị D. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Ông Ngọc bà Duyên có quyền liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 3.766,8m2 nêu trên theo thực tế hiện trạng sử dụng đất theo quy định của pháp luật. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Về chi phí sang tên, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Ngọc bà Duyên chịu toàn bộ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ sơ đồ diện tích đất tranh chấp: Nguyên đơn ông N nhận nộp và đã nộp xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Số tiền án phí DSST của vụ án là 150.000đ, nguyên đơn ông N nhận nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0000556, ngày 18/7/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho ông N số tiền còn lại là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà